TAND QUẬN TX **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/ HSST
Ngày: 05/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Tòa án Nhân dân Quận TX
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: - Bà **Nguyễn Thị Lan Anh**
- Các hội thẩm nhân dân: - Ông **Đỗ Quang Linh**
- Bà **Nguyễn Thị Hồng**
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Phan Lạc Mạnh** -Cán bộ Toà án nhân dân Quận TX.
- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân Quận TX tham gia phiên tòa: Bà **D. Thị Thu Ninh** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 05 tháng 03 năm 2018 tại Toà án nhân dân Quận TX xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 201/2017/HSST ngày 21 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **BÙI VĂN S**; Sinh ngày: 30/9/1997; HKTT: Đq, BT, Thanh Hóa; Chỗ ở: Phòng 2832 nhà CT12B KVKL; phường ĐK, quận HM, Hà Nội; Nghề nghiệp: Cầu thủ bóng đá; Trình độ học vấn: 10/12; Quốc tịc: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Con ông **Bùi Văn H**; Con bà **Trương Thị P**; Tiền án, tiền sự: không; Bắt quả tang ngày: 19/3/2017; Tạm giữ ngày: 19/3/2017; Tạm giam ngày: 27/3/2017; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tam giam T16 Bộ công an; **Danh chỉ bản: 81 lập ngày 23/3/2017 tại Trại tạm giam T16 Bộ Công an**; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị **Nguyễn Thị T**; Sinh năm 1976 ; HKTT: 163/24/72 THT, P1x, Q1x Thành phố Hồ Chớ Minh (Vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh **Bùi Văn D.**; Sinh năm 1997; HKTT: Đq, BT, Thanh Hóa; Chỗ ở: Phòng 2832 nhà CT12B KVKL; phường ĐK, quận HM, Hà Nội (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo bị Viện kiểm sát Quận TX truy tố về hành vi phạm tội như sau: Thông qua mạng xã hội Facebook Bùi Văn S quen biết với chị Nguyễn Thị T (Sinh năm 1976; HKTT tại 163/24/72 THT, P1., Q1x, thành phố Hồ Chí Minh), S thường xuyên sử dụng điện thoại Iphone 6 màu trắng bên trong lắp Sim 0978.356.643 và tài khoản Facebook tên Bùi Văn S để nói chuyện, liên lạc với chị T (chị T sử dụng số điện thoại 0909041976). Qua nhiều lần nói chuyện, S và chị T hẹn gặp nhau. Vào một ngày đầu tháng 3/2017, S hẹn gặp chị T tại một

khách sạn ở Ninh Bình. Tại đây, S và chị T quan hệ tình dục. S sử dụng điện thoại Iphone 6 để quay phim lại cảnh quan hệ tình dục giữa S với chị T với mục đích để lưu lại làm kỉ niệm (Việc S quay phim chị T không biết). Sau đó S và chị T đi ăn cơm rồi quay về khách sạn tiếp tục quan hệ tình dục, rồi chị T về nhà bạn để ngủ, S ngủ lại khách sạn. Sáng ngày hôm sau S về Hà Nội.

Ngày 12/3/2017 S nảy sinh ý định sử dụng đoạn Video mà S quay lại cảnh S và chị T quan hệ tình dục để đe dọa, ép buộc chị T phải đưa cho S số tiền 1,5 tỷ đồng nên S gọi điện cho chị T nói dối là đã bị mất chiếc điện thoại Iphone 6 màu trắng bên trong lắp Sim 0978.356.643 và trong điện thoại đó có lưu giữ video clip S và chị T quan hệ tình dục. Ngày 15/3/2017, S mượn chiếc điện thoại Samsung của em trai là anh Bùi Văn D. (Sinh năm 1997; HKTT tại Đq, BT, Thanh Hóa) rồi mua Sim số thuê bao 01656918465 lập 01 tài khoản Facebook tên Lý Phuong Phuong, đồng thời giả danh là người nhặt được điện thoại, giả giọng nói để nhắn tin và liên lạc với chị T mục đích đe dọa, ép buộc chị T bỏ ra 1,5 tỷ đồng để chuộc chiếc điện thoại có clip ghi lại cảnh quan hệ tình dục, nếu không sẽ bán lại Clip cho một trang web sex. Do lo sợ nên chị T đồng ý bỏ ra số tiền 1,5 tỷ đồng để chuộc lại chiếc điện thoại có clip ghi lại cảnh quan hệ tình dục và hẹn S ngày 17/3/2017 sẽ ra Hà Nội để gặp và đưa tiền. Chiều ngày 18/3/2017 S giả danh người đòi tiền chuộc yêu cầu: S cầm tiền đi ra bến xe MĐ còn T ra bến xe GB để nhận chiếc điện thoại, rồi sau đó S đổi địa điểm: S cầm tiền ra đường ĐLTL, T ra bến xe MĐ, nhưng chị T không đồng ý.

Khoảng 20 giờ ngày 18/3/2017 S hẹn gặp chị T tại một quán cafe trên khu vực LĐ, HM, Hà Nội để lấy tiền. Khi đến quán cafe, S đi taxi của anh Vũ Thanh T. (Sinh năm 1994, HKTT tại thôn ĐK, x.QB, KX, Thái Bình). Quá trình đi xe taxi ra quán cafe S soạn sẵn một tin nhắn có nội dung là: 5 phút nữa, S cầm túi tiền đứng dậy, đi ra ngoài sẽ có người đưa điện thoại cho chị T. S nhờ anh T. cầm chiếc điện thoại và dặn anh T. khi S vào quán cafe được 1 lúc thì sẽ ấn phím gửi tin nhắn đi. (Mục đích của S trong việc này là để chị T không nghi ngờ S). Chị T không đồng ý đưa tiền cho S và yêu cầu gặp trực tiếp người tống tiền. Sau đó chị T về khách sạn còn S về nhà nghỉ. Khi về nhà nghỉ S tiếp tục sử dụng số điện thoại 01656918465 bịt mũi giả giọng là người nhặt được điện thoại đồng thời cắt một số hình ảnh trong đoạn video nói trên có mặt S và chị T mục đích đe dọa chị T nếu không chuyển ngay tiền sẽ gửi Video Clip ghi lại cảnh quan hệ tình dục của S và chị T cho chồng, con, bạn bè của chị T. Do hoang mang, lo sợ chồng con biết nên chị T đã hẹn S đến KSHL số 369 NT, TX, Hà Nội để giao tiền, lúc này chị T mới chuẩn bị được số tiền 300.000.000 đồng và cho vào túi xách màu đen. Khoảng 2 giờ ngày 19/3/2017 khi S nhận số tiền 300.000.000 đồng từ chị T tại Phòng 602

KSHL thì bị cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an bắt quả tang.

Cơ quan công an thu giữ của Bùi Văn S:

- 01 (một) túi xách màu đen trong đó có 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng. Số IMEI1: 355079082231494/00 ; Số IMEI2: 355080082231492/00, SN: R58J11E36DF, lắp Sim 0978356643.

- 01 (một) điện thoại Iphone màu trắng đã qua sử dụng có số IMEI: 359231062790058, lắp Sim 01656918465.

Chị Nguyễn Thị T tự nguyện giao nộp cơ quan công an phục vụ quá trình điều tra:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ASUS màu đen đã qua sử dụng có số IMEI1: 355240072237236 và IMEI2: 355240072237244 (không lắp Sim)

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng đã qua sử dụng, có số IMEI 353257076686632, lắp Sim 0909041976.

Tại bản Kết luận giám định số 1637/C54-P6 của Viện khoa học hình sự - tổng cục cảnh sát: trong đối tượng gửi giám định ký hiệu A2 (chiếc điện thoại Iphone có số IMEI 359231062790058 thu giữ của Bùi Văn S) có chứa 01 tệp Video có tên «IMG_0453.MOV» có hình ảnh liên quan đến quan hệ tình dục giữa hai người nam và nữ lưu trữ trong máy điện thoại.

Tại bản Kết luận giám định số 2687/C54-(P5,P6) của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát:

- Có hình ảnh của Bùi Văn S, Nguyễn Thị T trong tệp hình ảnh gửi giám định «IMG_0453.MOV» thời lượng 37 phút 15 giây.

- Tiếng nói của người đàn ông xưng là « anh » trong các tệp tin «Sonhantin_2017-03-19T1-25-24.amr » thời lượng 3 phút 32 giây và « Sonhantin_2017-03-18T23-19-07.amr » thời lượng 06 phút 07 giây và tiếng nói của Bùi Văn S trong mẫu so sánh là cùng một người.

- Tiếng nói của người phụ nữ xưng là « em » trong các tệp tin «Sonhantin_2017-03-19T1-25-24.amr » thời lượng 3 phút 32 giây và « Sonhantin_2017-03-18T23-19-07.amr » thời lượng 06 phút 07 giây và tiếng nói của Nguyễn Thị T trong mẫu so sánh là cùng một người.

(Mẫu giám định thu thập từ chiếc điện thoại Iphone có số IMEI 359231062790058 thu giữ của Bùi Văn S và chiếc điện thoại di động ASUS màu đen có số IMEI 355240072237236 và IMEI 355240072237244 chị Nguyễn Thị T giao nộp cơ quan công an để phục vụ quá trình điều tra)

Tại cơ quan điều tra, Bùi Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. S khai khi có ý định cưỡng đoạt tiền của chị T, S đã nhắn tin đe dọa chị T phải đưa cho S số tiền 1,5 tỷ đồng. NH thực tế ý thức của S là chị T đưa bao nhiêu tiền thì S sẽ nhận từng đó và không ép buộc chị T phải đưa đủ số tiền 1,5 tỷ đồng.

Đối với chiếc túi xách màu đen và số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), quá trình điều tra cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là chị Nguyễn Thị T. Chị T đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Đối với anh Bùi Văn D. cho Bùi Văn S mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng. Anh D. không biết việc S sử dụng chiếc điện thoại trên để thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Vũ Thanh T. là người lái Taxi chở Bùi Văn S đi đến quán Cafe tại khu vực LĐ, HM, Hà Nội gặp chị Nguyễn Thị T và giúp S gửi tin nhắn cho chị T. Quá trình điều tra xác định anh T. không liên quan đến hành vi phạm tội của S, việc S tống tiền chị T anh T. không biết. Vì vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Tại bản cáo trạng số 191/CT-VKS ngày 16/11/2017 Viện Kiểm sát nhân dân Quận TX đã truy tố Bùi Văn S phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 135 BLHS 1999.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 135; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS 1999 xử phạt bị cáo từ 08 năm đến 09 năm tù. Vì bị cáo không có việc làm nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

Về tang vật vụ án:

+ Tịch thu sung công: 01 (một) điện thoại Iphone màu trắng đã qua sử dụng có số IMEI 359231062790058; lắp Sim 01656918465 của Bùi Văn S.

+ Trả lại Anh Bùi Văn D.: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng. Số IMEI1 :355079082231494/00; Số IMEI2: 355080082231492/00, SN: R58J11E36DF.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T sung công:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ASUS màu đen đã qua sử dụng có số IMEI1: 355240072237236 và IMEI2: 355240072237244 (không lắp Sim)

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng đã qua sử dụng, có số IMEI : 353257076686632, lắp Sim 0909041976.

Tịch thu tiêu hủy: 01 sim 0978356643.

Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận TX, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận TX, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi hoặc quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên toà bị cáo công nhận nội dung bản cáo trạng nêu là đúng. Qua xét hỏi và tranh luận bị cáo khai nhận:

Thông qua mạng xã hội Facebook Bùi Văn S quen biết với chị Nguyễn Thị T (Sinh năm: 1976; HKTT tại 163/24/72 THT, P1., Q1x, thành phố Hồ Chí Minh), S sử dụng điện thoại Iphone 6 màu trắng bên trong lắp Sim 0978.356.643 và tài khoản Facebook tên Bùi Văn S để nói chuyện, liên lạc với chị T qua số

điện thoại 0909041976. Sau nhiều lần nói chuyện, S và chị T hẹn gặp nhau vào một ngày đầu tháng 3/2017 tại một khách sạn ở Ninh Bình. Tại đây, S và chị T quan hệ tình dục hai lần. S bí mật sử dụng điện thoại Iphone 6 để quay phim lại cảnh quan hệ tình dục giữa S với chị T với mục đích để lưu lại làm kỉ niệm. Sau đó cả hai chia tay nhau. Cả hai vẫn liên lạc với nhau và S được biết T đã có gia đình và lớn tuổi hơn S.

Ngày 12/3/2017 S nảy sinh ý định sử dụng đoạn Video mà S quay lại cảnh S và chị T quan hệ tình dục để đe dọa, ép buộc chị T phải đưa cho S số tiền 1,5 tỷ đồng nên S gọi điện cho chị T nói dối là đã bị mất chiếc điện thoại Iphone 6 màu trắng bên trong lắp Sim 0978.356.643 bên trong lưu giữ video clip S và chị T quan hệ tình dục. Ngày 15/3/2017, S mượn chiếc điện thoại Samsung của em trai là anh Bùi Văn D.;sinh năm 1997 rồi mua Sim số thuê bao 01656918465 lập 01 tài khoản Facebook tên Lý Phuong Phuong, đồng thời giả danh là người nhặt được điện thoại, giả giọng nói để nhắn tin và liên lạc với chị T mục đích đe dọa, ép buộc chị T bỏ ra 1,5 tỷ đồng để chuộc chiếc điện thoại có clip ghi lại cảnh quan hệ tình dục, nếu không sẽ bán lại Clip cho một trang web sex. Do lo sợ nên chị T đồng ý bỏ ra số tiền 1,5 tỷ đồng để chuộc lại chiếc điện thoại nói trên và hẹn S ngày 17/3/2017 sẽ ra Hà Nội để gặp và đưa tiền. Chiều ngày 18/3/2017 S giả danh người đòi tiền chuộc yêu cầu: S cầm tiền đi ra bến xe MĐ còn T ra bến xe GB để nhận chiếc điện thoại, rồi sau đó S đổi địa điểm: S cầm tiền ra đường ĐLTL, T ra bến xe MĐ, nH chị T không đồng ý.

Khoảng 20 giờ ngày 18/3/2017, S hẹn gặp chị T tại một quán cafe trên khu vực LĐ, HM, Hà Nội để lấy tiền. Khi đến quán cafe, S đi taxi của anh Vũ Thanh T. (Sinh năm 1994, HKTT tại thôn ĐK, x.QB, KX, Thái Bình). Quá trình đi xe taxi ra quán cafe S soạn sẵn một tin nhắn có nội dung là: 5 phút nữa, S cầm túi tiền đứng dậy, đi ra ngoài sẽ có người đưa điện thoại cho chị T. S nhờ anh T. cầm chiếc điện thoại và dặn anh T. khi S vào quán cafe được 1 lúc thì sẽ ấn phím gửi tin nhắn đi. Tuy nhiên chị T không đồng ý đưa tiền cho S và yêu cầu gặp trực tiếp người tống tiền. Sau đó chị T về khách sạn còn S về nhà nghỉ. Khi về nhà nghỉ S tiếp tục sử dụng số điện thoại 01656918465 bịt mũi giả giọng là người nhặt được điện thoại đồng thời cắt một số hình ảnh trong đoạn video nói trên có mặt S và chị T mục đích đe dọa chị T nếu không chuyển ngay tiền sẽ gửi Video Clip ghi lại cảnh quan hệ tình dục của S và chị T cho chồng, con, bạn bè của chị T.

Do lo sợ chồng con biết nên chị T đã hẹn S đến KSHL số 369 NT, TX, Hà Nội để giao tiền, lúc này chị T mới chuẩn bị được số tiền 300.000.000 đồng và cho vào túi xách màu đen. Khoảng 02 giờ ngày 19/3/2017 khi S nhận số tiền 300.000.000 đồng từ chị T tại Phòng 602 KSHL thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ công an bắt quả tang thu giữ toàn bộ tang vật.

Tại cơ quan điều tra, Bùi Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. S khai khi có ý định cưỡng đoạt tiền của chị T, S đã nhắn tin đe dọa chị T phải đưa cho S số tiền 1,5 tỷ đồng. Nhưng thực tế ý thức của S là chị T đưa bao nhiêu tiền thì S sẽ nhận từng đó và không ép buộc chị T phải đưa đủ số tiền 1,5 tỷ đồng.

Chị Nguyễn Thị T khai: chấp nhận bỏ ra số tiền 1,5 tỷ đồng để chuộc lại chiếc điện thoại có clip ghi lại cảnh quan hệ tình dục nH do chị T chỉ chuẩn bị được 300.000.000 đồng nên khi đến khách sạn nếu S không đồng ý số tiền này thì sẽ tiếp tục vay mượn thêm.

Lúc giao tiền chị T cũng không nói với S trong túi có bao nhiêu tiền và S cũng không hỏi chị T trong túi có bao nhiêu tiền và nhận luôn.

Bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Lời khai của bị cáo tại phiên toà hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, tang vật thu giữ của vụ án đã đủ cơ sở để khẳng định bị cáo Bùi Văn S phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản" với tổng số tiền là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), tội và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 135 BLHS 1999 (Nay là điểm a khoản 3 Điều 170 BLHS 2015).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, chẳng những xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được luật pháp bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an cho xã hội. Chỉ vì không làm chủ được bản thân trước sự cám dỗ của vật chất bị cáo đã dùng thủ đoạn đe dọa uy hiếp tinh thần sẽ thực hiện cụng khai clip sex làm người bị hại lo sợ để người bị hại giao nộp tài sản. Trong khi thực hiện tội phạm bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự bị cáo lại là thanh niên có sức khoẻ có trình độ hiểu biết không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân để trở thành người lương thiện mà thích hưởng lợi bằng con đường bất chính, vì vậy phải có hình phạt thích hợp cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Bị cáo là người dân tộc ít người, tài sản chiếm đoạt đã thu hồi và trả cho người bị hại; Nhân thân bị cáo chưa có tiền án tiền sự, ông bà bị cáo là người có công với Cách mạng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Khụng áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về tang vật vụ án:

+ Tịch thu sung công: 01 (một) điện thoại Iphone màu trắng đã qua sử dụng có số IMEI 359231062790058; lắp Sim 01656918465 của Bùi Văn S.

+ Trả lại Anh Bùi Văn D.: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng. Số IMEI1: 355079082231494/00; Số IMEI2: 355080082231492/00, SN: R58J11E36DF .

+ Chị T tự nguyện sung công:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ASUS màu đen đã qua sử dụng có số IMEI1: 355240072237236 và IMEI2: 355240072237244 (không lắp Sim).

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng đã qua sử dụng, có số IMEI: 353257076686632, lắp Sim 0909041976.

Tịch thu tiêu hủy**:** 01 sim: 0978356643

Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Đối với anh Bùi Văn D. cho Bùi Văn S mượn chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng. Anh D. không biết việc S sử dụng chiếc điện

thoại trên để thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với anh Vũ Thanh T. là người lái Taxi chở Bùi Văn S đi đến quán Cafe tại khu vực LĐ, HM, Hà Nội gặp chị Nguyễn Thị T và giúp S gửi tin nhắn cho chị T. Quá trình điều tra xác định anh T. không liên quan đến hành vi phạm tội của S, việc S tống tiền chị T anh T. không biết. Vì vậy cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Bị cáo phải nộp án phí hình sự và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên Bố: Bị cáo **Bùi Văn S** phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 135 BLHS 1999 (Nay là điểm a khoản 3 Điều 170 BLHS 2015); điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 47 Bộ luật hình sự 2015.

Áp dụng: Điều 106; 135; 331; 333; 336 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định vê mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Văn S** 08 (tám**)** năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/3/2017.

Về tang vật:

+ Tịch thu sung công: 01 (một) điện thoại Iphone màu trắng đã qua sử dụng có số IMEI 359231062790058; lắp Sim 01656918465 của Bùi Văn S.

+ Trả lại anh Bùi Văn D.: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng. Số IMEI1: 355079082231494/00; Số IMEI2: 355080082231492/00, SN: R58J11E36DF.

+ Ghi nhận sự tự nguyện chị Nguyễn Thị T sung công:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu ASUS màu đen đã qua sử dụng có số IMEI1: 355240072237236 và IMEI2: 355240072237244 (không lắp Sim)

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng đã qua sử dụng, có số IMEI: 353257076686632 lắp Sim 0909041976.

Tịch thu tiêu hủy: 01 sim 0978356643.

Hiện tang vật trên được thu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự quận TX theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/3/2018.

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.